

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 27-6-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Kỳ Trung;

Bà Nguyễn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 705/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1985; có mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: khu phố X, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* anh Cao Văn M, sinh năm 1983; có mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; vắng mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đỗ Thị Minh H trình bày:

Chị và anh M chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Trảng Bàng (nay là xã P, thị xã Trảng Bàng). Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh M tại ấp B, xã P. Đến năm 2013, vợ chồng chị nhận chuyển nhượng một phần đất tại ấp B, xã P và đến năm 2014 thì vợ chồng xây nhà sống trên phần đất này đến nay. Chị buôn bán quần áo tại chợ Y, anh M tự kinh doanh tiệm nhôm- kính. Quá trình chung sống vợ chồng đã bắt đầu mâu thuẫn từ khoảng năm 2019 đến nay, nguyên nhân là do giữa vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình do kinh tế của chị và anh M độc lập với nhau, anh M không phụ giúp chị lo lắng kinh tế gia đình, chăm sóc con cái nên vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau. Ngoài ra, anh M ghen tuông nghi ngờ vô cớ, không tin tưởng chị và đánh chị, nhiều lần hăm dọa sẽ giết chị và có lần anh M dùng dầu hỏa để đốt nơi chị và các con đang ngủ. Do đó, chị đã về nhà cha mẹ ruột tại : khu phố X, phường S, thành phố Tây Ninh từ tháng 01-2020, vợ chồng đã tự ly thân đến nay. Khi ly thân, vợ chồng thỉnh thoảng có gặp nhau nhưng không thể nói chuyện hòa hợp với nhau mà chỉ gây gổ nhau, không thể hòa hợp, chung sống lại với nhau. Chị xác định hiện tại chị không còn tình cảm và lòng tin đối với anh M. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Cao Trung T, sinh ngày 21-11-2007, cháu Cao Thành Đ, sinh ngày 16-6-2014 và cháu Cao Quang V, sinh ngày 21-01-2016. Cháu T đang sống cùng anh M, cháu Đ và cháu V đang sống cùng với chị; cháu T, cháu Đ và cháu V rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, yêu cầu anh M giao cháu T cho chị được nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và cháu V, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có các tài sản chung bao gồm:

+ Phần đất diện tích 149 m², tại thửa 184, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 911916, số vào sổ CH 04555 ngày 11-4-2014, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp vợ chồng chị cùng đứng tên. Phần đất này có nguồn gốc là do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Văn A và bà Đỗ Thị E vào năm 2013, giá chuyển nhượng là 03 lượng vàng 24k 9999, mỗi năm sẽ trả 01 lượng vàng. Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do vợ chồng chị tự tiết kiệm mà có được. Năm 2015, cha mẹ ruột của chị là ông Đỗ Ngọc O và bà Phạm Thị C cho vợ chồng chị số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để vợ

chồng xây nhà ở trên phần đất này. Đối với các phòng Karaoke trên đất là do vợ chồng chị tự xây dựng.

+ Phần đất diện tích 99 m², tại thửa 183, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 911870, số vào sổ CH 04550 ngày 11-4-2014, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp, vợ chồng chị cùng đứng tên. Phần đất này có nguồn gốc là do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của người khác (không nhớ rõ họ tên), giá chuyển nhượng khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Số tiền chuyển nhượng do chị vay của chị ruột chị là chị Đỗ Thị Bích U 01 lượng vàng (khoảng 30.000.000 triệu đồng) và anh M bù phần tiền còn lại để vợ chồng mua phần đất này. Trên phần đất này hiện có 01 mái che và các công trình kiến trúc khác.

+ Một phần đất ruộng do chị và anh M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là do mẹ ruột của anh M cho tiền anh M để mua đất. Tuy nhiên, chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần đất này.

Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Khi ly hôn, chị yêu cầu chia tài sản chung nêu trên thành 02 phần, phần chị yêu cầu được hưởng là phần đất tại thửa 184, tờ bản đồ số 20. Chị yêu cầu được hưởng hiện vật là đất, không đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch cho anh M vì chị phải nuôi các con còn nhỏ. Đối với căn nhà trên đất và tài sản gắn liền với đất thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Cao Văn M trình bày:

Anh thống nhất với chị H về thời gian chung sống, thời gian ly thân. Tuy nhiên, vợ chồng anh không có mâu thuẫn. Vào khoảng tháng 10-2019, anh thuê nhà tại xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để kinh doanh nhôm – kính, sáng đi, chiều tối thì về nhà nhưng chị H không cho anh gần gũi và không cho anh ngủ chung nên vợ chồng anh thường xuyên gây gổ nhau. Anh thừa nhận trong lúc nóng giận thì anh có dùng dầu hỏa đốt tấm nệm, mùng mền nơi chị H đang ngủ. Anh không có đánh chị H như chị H đã trình bày. Vợ chồng gây gổ kéo dài, chị H thường xuyên đi đến nhà của cha, mẹ nuôi của chị H (anh không biết tên), anh khuyên can nhiều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi. Chị H đã về nhà mẹ ruột sống từ ngày 09-01-2020, anh có đến gặp chị H một vài lần để hàn gắn, khuyên can chị H quay về nhưng chị H không đồng ý. Đến tháng 9-2020, con anh là cháu Đ phải bắt đầu đi học nhưng chị H không quan tâm, lo lắng, không về nhà lo giấy tờ cho cháu đi học, anh gọi điện thoại, nhắn tin nhưng chị H không trả lời, anh có

đến nhà nhưng vẫn không gặp được chị H nên vào ngày 05-9-2020, anh có gặp chị H tại nơi chị H bán quần áo tại chợ Phước Bình thì anh có đánh chị H mấy bạt tay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn gì khác. Nay anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Cao Trung T, sinh ngày 21-11-2007, cháu Cao Thành Đ, sinh ngày 16-6-2014 và cháu Cao Quang V, sinh ngày 21-01-2016. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu T, cháu Đ và cháu V cho chị H được nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh thống nhất lời trình bày của chị H về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- + Phần đất có diện tích 149 m², tại thửa 184, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh và 01 căn nhà trên đất. Phần đất này hiện do anh đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

- + Phần đất có diện tích 99 m², tại thửa 183, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh. Phần đất này có nguồn gốc là do mẹ ruột của anh cho anh 02 lượng vàng 24k 999 để nhận chuyển nhượng phần đất này và để vợ chồng anh cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này hiện do anh và bà L cùng trực tiếp quản lý, sử dụng.

- + Một phần đất ruộng tại xã I có nguồn gốc là do mẹ ruột của anh mua nhưng cho vợ chồng anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh không tranh chấp phần đất này.

Ngoài ra, vợ chồng anh không còn tài sản chung nào khác.

Nay anh đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng anh theo yêu cầu của chị H, cụ thể: anh đồng ý giao chị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 149 m², tại thửa 184; anh không yêu cầu chị H thanh toán giá trị chênh lệch vì chị H phải nuôi 03 con chung của anh và chị H. Anh đồng ý được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 99 m², tại thửa 183. Đối với căn nhà trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất thì anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà L trình bày: bà là mẹ ruột của anh M, hiện tại bà đang sống chung với anh M. Vào năm nào không nhớ rõ, bà có cho chung vợ chồng anh M, chị H 02 lượng vàng 24k để vợ chồng anh M, chị H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Trừ, bà Hồng. Việc cho vàng không làm giấy tờ gì. Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa anh M và chị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Minh H và anh Cao Văn M.

+ Công nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Thị Minh H và anh Cao Văn M, như sau:

Về con chung: Giao cháu Cao Trung T, sinh ngày 21/01/2007; cháu Cao Thành Đ, sinh ngày 16/6/2014 và Cao Quang V, sinh ngày 16/01/2016 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Giao chị H được sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 149 m², tại thửa 184, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Giao anh M được sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 99 m², tại thửa 183, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ghi nhận chị H và anh M không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

+ Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: chị H và anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H, anh M chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Trảng Bàng (nay là xã P, thị xã Trảng Bàng). Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ nhau và đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay

chị H yêu cầu được ly hôn anh M. Tại phiên tòa, anh M cũng đồng ý ly hôn chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh M.

[3] Về con chung: vợ chồng anh M, chị H có 03 con chung gồm: cháu Cao Trung T, sinh ngày 21-11-2007, cháu Cao Thành Đ, sinh ngày 16-6-2014 và cháu Cao Quang V, sinh ngày 21-01-2016. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ và cháu V. Tại phiên tòa, anh M đồng ý giao cháu T, cháu Đ và cháu V cho chị H được nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu Đ và cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Tại phiên tòa, chị H và anh M thống nhất vợ chồng có các tài sản chung bao gồm:

+ Một phần đất diện tích 149 m², tại thửa 184, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh và các tài sản gắn liền với đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 911916, số vào sổ CH 04555 ngày 11-4-2014, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp, anh M và chị H cùng đứng tên.

+ Một phần đất diện tích 99 m², tại thửa 183, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh và các tài sản gắn liền với đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 911870, số vào sổ CH 04550 ngày 11-4-2014, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp, anh M và chị H cùng đứng tên.

+ Một phần đất ruộng tại xã I nhưng chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4.2] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện thực tế phần đất tranh chấp gồm 02 thửa giáp liền ranh nhau, có tổng diện tích 248 m², tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Cụ thể:

* Thửa 184, diện tích 149 m², có tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông K, dài 25 m;
- Phía Tây giáp thửa 183, dài 25 m;
- Phía Nam giáp đất ông B, dài 06 m;
- Phía Bắc giáp đường đất, dài 06 m.

Trên đất có 01 căn nhà, 04 phòng Karaoke, 01 mái che và 01 khung cửa sắt, hiện do anh M đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

* Thửa 183, diện tích 99 m², có tứ cận:

- Phía Đông giáp thửa 184, dài 25 m;
- Phía Tây giáp đất ông F, dài 25 m;
- Phía Nam giáp đất ông B, dài 04 m;
- Phía Bắc giáp đường đất, dài 04 m.

Trên đất có 01 mái che, 01 nhà tắm vệ sinh, 01 nhà bếp, 01 nền gạch men, 01 khung cửa sắt và 01 hàng rào lưới (hướng Nam), hiện do anh M và bà L đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thành 02 phần, cụ thể chị H yêu cầu được chia phần đất có diện tích 149 m², tại thửa 184, giao cho anh M được tiếp tục quyền sử dụng phần đất diện tích 99 m², tại thửa 183. Anh M cũng đồng ý giao cho chị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 149 m², tại thửa 184, anh M không yêu cầu chị H thanh toán giá trị tài sản chênh lệch vì anh M cho rằng chị H phải nuôi 03 con còn nhỏ. Xét thấy sự thỏa thuận giữa anh M và chị H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và chia tài sản chung của chị H, anh M cụ thể như sau:

Anh M có nghĩa vụ giao cho chị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 149 m² tại thửa 184, phần đất này có giá trị qua định giá là 600.768.000 (sáu trăm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Giao cho anh M được tiếp tục quyền sử dụng phần đất diện tích 99 m² tại thửa 183, phần đất này có giá trị qua định giá là 399.168.000 (ba trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Đối với 01 căn nhà và các công trình, tài sản khác gắn liền với đất anh M và chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4.3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Chị H đã nộp tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tổng cộng là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng:

Chị H phải chịu 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị H đã nộp xong.

Anh M phải chịu 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá. Anh M có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[5] Về nợ chung: chị H, anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 28.031.000 (hai mươi tám triệu không trăm ba mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

Anh M phải chịu 19.958.000 (mười chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 235, khoản 3 Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Minh H và anh Cao Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Thị Minh H và anh Cao Văn M như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Cao Văn M có nghĩa vụ giao cháu Cao Trung T, sinh ngày 21-11-2007 cho chị Đỗ Thị Minh H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Cao Thành Đ, sinh ngày 16-6-2014 và cháu Cao Quang V, sinh ngày 21-01-2016 cho chị Đỗ Thị Minh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung:

Anh Cao Văn M có nghĩa vụ giao cho chị Đỗ Thị Minh H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 149 m², tại thửa 184, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, loại đất: chuyên trồng lúa nước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 911916, số vào sổ CH 04555 ngày 11-4-2014, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp. Đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông K, dài 25 m;
- Phía Tây giáp thửa 183, dài 25 m;
- Phía Nam giáp đất ông B, dài 06 m;
- Phía Bắc giáp đường đất, dài 06 m.

Giao anh Cao Văn M được tiếp tục quyền sử dụng phần đất có diện tích 99 m², tại thửa 183, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; loại đất: chuyên trồng lúa nước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 911870, số vào sổ CH 04550 ngày 11-4-2014, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp. Đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp thửa 184, dài 25 m;
- Phía Tây giáp đất ông F, dài 25 m;
- Phía Nam giáp đất ông B, dài 04 m;
- Phía Bắc giáp đường đất, dài 04 m.

(Kèm theo sơ đồ 02 thửa đất tranh chấp).

Ghi nhận anh M, chị H không tranh chấp căn nhà và các công trình, tài sản khác gắn liền với đất.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp:

Chị H phải chịu 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị H đã nộp xong.

Anh M phải chịu 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá. Anh M có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng.

4. Về nợ chung: chị H, anh M trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

5. Án phí:

Chị Đỗ Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 28.031.000 (hai mươi tám triệu không trăm ba mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014932 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị H còn phải nộp tiếp 22.081.000 (hai mươi hai triệu không trăm tám mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Cao Văn M phải chịu 19.958.000 (mười chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

6. Về quyền kháng cáo: chị H, anh M có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư